

Số: 64/2019/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 03 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Lan A, sinh năm: 1994.

Nơi ĐKTT: Trung tâm 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Đội 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh: Trần Phương N, sinh năm: 1983.

Nơi ĐKTT: Đội 4A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Hoàng Thị Lan A và anh Trần Phương N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Lan A có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con Trần Bảo Khánh Đ, sinh ngày 27/6/2017 cho đến khi con đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động

Về cấp dưỡng: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Về Tài sản chung, tài sản riêng và diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải trả; nợ lấy về : Không có.

2.4. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Mỗi bên đương sự phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị A tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003123 ngày 04/4/2019 tại Chi cục THADS huyện Điện Biên, Chị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và chị được trả lại 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã V, H, Thái Bình (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Kế toán (để biết);
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên